

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
17	INL6054	Pháp luật về đầu tư quốc tế <i>International investment Law</i>	3	27	9	9	
18	INL6055	Luật hàng không, vũ trụ quốc tế <i>International Law on aviation and outer space</i>	3	27	9	9	
19	INL6042	Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế <i>International sale of goods</i>	2	18	6	6	
20	INL6043	Vận tải hàng hóa bằng đường biển <i>Carriage of goods by Sea</i>	2	18	6	6	
21	INL6056	Bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ <i>International protection of intellectual property rights</i>	3	27	9	9	
22	INL6040	Pháp luật về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài <i>Law on international marriage and family relationships</i>	2	18	6	6	
23	INL6057	Hợp tác và tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại <i>Mutual Judicial Assistance and Cooperation in Commerce and Civil Masters</i>	3	29	9	9	
III	INL7201	Luận văn thạc sĩ	20				
Tổng cộng							

Ghi chú: (*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
5	INL6020	Những vấn đề chuyên sâu về Tư pháp quốc tế <i>Specialized issues on International private Law</i>	3	27	9	9	
6	INL6021	Những vấn đề chuyên sâu về Luật Thương mại quốc tế <i>Specialized issues on International Commercial Law</i>	3	27	9	9	
7	INL6044	Luật Kinh tế quốc tế <i>International Economic Law</i>	3	27	9	9	
8	INL6028	Luật Hình sự quốc tế <i>International Criminal Law</i>	2	18	6	6	
II.2	Các học phần tự chọn <i>Optional Subjects</i>		20/40				
9	INL6050	Nguồn và vấn đề pháp điển hóa Luật quốc tế hiện đại <i>Sources and the Codification of International Law</i>	3	27	9	9	
10	INL6051	Pháp luật về các tổ chức quốc tế <i>Laws on the International organizations</i>	3	27	9	9	
11	INL6030	Giải quyết các tranh chấp quốc tế theo Luật quốc tế hiện đại <i>The International disputes settlement in International Law</i>	3	27	9	9	
12	INL6052	Luật Biển Quốc tế <i>International Law of the sea</i>	3	27	9	9	
13	INL6036	Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng sa và Trường Sa <i>Vietnam's Sovereignty Over Paracel Islands and Spartly Islands</i>	3	27	9	9	
14	INL6035	Luật Nhân đạo quốc tế <i>International humaniterian law</i>	2	18	6	6	
15	INL6025	Luật nhân quyền quốc tế <i>International human rights law</i>	2	18	6	6	
16	INL6053	Tổ chức và pháp luật ASEAN <i>Organisation and Law of ASEAN</i>	3	27	9	9	

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Luật chuyên ngành Luật quốc tế, học viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Học viên cũng có thể tiếp tục học lên ở bậc học cao hơn (tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	64 tín chỉ , trong đó:
- Khối kiến thức chung (bắt buộc):	08 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	36 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i> :	16 tín chỉ
+ <i>Tự chọn</i> :	20/40 tín chỉ
- Luận văn thạc sĩ:	20 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		8				
1	PHI5001	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2		Ngoại ngữ cơ bản (*) <i>Basic Foreign Languages</i>	4	35	15	10	
	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản <i>Basic English</i>					
	RUS5001	Tiếng Nga cơ bản <i>Basic Russian</i>					
	FRE5001	Tiếng Pháp cơ bản <i>Basic French</i>					
	GER5001	Tiếng Đức cơ bản <i>Basic German</i>					
	CHI5001	Tiếng Trung cơ bản <i>Basic Chinese</i>					
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		36				
II.1	Các học phần bắt buộc <i>Compulsory Subjects</i>		16				
3	SOL6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí <i>Legal research methods</i>	2	18	6	6	
4	INL6019	Những vấn đề chuyên sâu về Công pháp quốc tế <i>Specialized issues on Public International Law</i>	3	27	9	9	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chuyên ngành: Luật quốc tế

Định hướng: Nghiên cứu

Mã số: 8380101.06

*(Ban hành theo Quyết định số 871 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 27 tháng 3 năm 2019
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật quốc tế
 - + Tiếng Anh: International Law
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8380101.06
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật
 - + Tiếng Anh: Law
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Law
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật, ĐHQGHN.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ luật chuyên ngành Luật quốc tế theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu đào tạo những chuyên gia có kiến thức toàn diện, hiện đại và chuyên sâu về khoa học luật quốc tế (Công pháp quốc tế và Tư pháp quốc tế); có năng lực, kĩ năng và phẩm chất phù hợp để hoàn thành các công việc chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động và xã hội. Chương trình đào tạo cũng cung cấp những nền tảng cần thiết về tư duy, kiến thức, kĩ năng để người học có thể tự học tập, nghiên cứu hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Chương trình đào tạo trang bị cho người học những kiến thức toàn diện, ở trình độ nâng cao về công pháp và tư pháp quốc tế, như: Luật điều ước quốc tế; 